

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đầu tư xây dựng công trình
Tuyến đường tránh Quốc lộ 45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc
thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về QLCL, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 616/CV-HĐND ngày 23/9/2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng công trình Tuyến đường tránh Quốc lộ 45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 259/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 và số 550/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến đường tránh Quốc lộ 45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định;

Căn cứ Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến đường tránh Quốc lộ 45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1060/TTr-SGTVT ngày 28/02/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến đường tránh Quốc lộ 45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 1065/SGTVT-TĐKHKT ngày 28/02/2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến đường tránh Quốc lộ 45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định với những nội dung chủ yếu sau:

I. Khái quát về dự án

- Dự án được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 với tổng mức đầu tư là 199.998.540.000 đồng (*Một trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Trong đó:

+ Chi phí bồi thường GPMB:	30.820.793.000 đồng.
+ Chi phí xây dựng:	128.745.560.000 đồng.
+ Chi phí quản lý dự án:	1.591.369.000 đồng.
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	5.915.897.000 đồng.
+ Chi phí khác:	8.177.154.000 đồng.
+ Chi phí dự phòng:	24.867.772.000 đồng.

- Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 30%, ngân sách huyện đảm bảo 70% tổng mức đầu tư của dự án từ nguồn khai thác quỹ đất trên địa bàn và các nguồn huy động hợp pháp khác.

- Thời gian thực hiện: 05 năm, từ năm 2017 - 2021.

- Tình hình thực hiện dự án: Đã cơ bản hoàn thành công tác GPMB, chỉ còn lại phạm vi GPMB bổ sung tại 03 nút giao (gồm: 02 nút giao với QL.45 và nút giao với ĐT.516B). Giá trị khối lượng thi công hoàn thành đạt khoảng 83% (giá hợp đồng 153,631 tỷ đồng).

- Dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại các Nghị quyết: Số 259/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 và số 550/NQ-HĐND ngày 10/7/2024.

II. Lý do điều chỉnh

Trong quá trình triển khai thực hiện một số chế độ chính sách nhà nước liên quan đến dự án có thay đổi, chi phí giải phóng mặt bằng tăng so với phương án khái toán trong tổng mức đầu tư được duyệt, một số hạng mục cần điều chỉnh, bổ

sung cho phù hợp với thực tế hiện trường và tăng cường đảm bảo an toàn giao thông nên đã làm vượt tổng mức đầu tư được duyệt. Do đó đã được HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 550/NQ-HĐND ngày 10/7/2024. Vì vậy, việc điều chỉnh dự án là cần thiết và đúng quy định của pháp luật hiện hành.

III. Nội dung điều chỉnh

3.1. Điều chỉnh, bổ sung thiết kế cơ sở phạm vi 05 nút giao với QL.45 và đường tỉnh, đường huyện và 01 đường ngang.

Tại các nút giao thực hiện điều chỉnh, bổ sung hệ thống điện chiếu sáng và an toàn giao thông (biển báo, sơn vạch kẻ đường, sơn gờ giảm tốc, đỉnh phản quang, đèn chớp cảnh báo, đèn tín hiệu điều khiển giao thông) đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ (QCVN 41/2024/BGTVT) và một số hạng mục khác; cụ thể:

- 02 nút giao với QL.45 (*nút đầu tuyến, giao với QL.45/Km51+930 và nút cuối tuyến, giao với QL.45/Km46+130*): Bổ sung các hạng mục, gồm: làn tăng tốc, giảm tốc, làn dừng xe chờ rẽ trái trên các tuyến nhánh; hệ thống điện chiếu sáng; rãnh thoát nước dọc. Riêng nền, mặt đường phạm vi trùng với QL.45 tại nút giao cuối tuyến được điều chỉnh để phù hợp với hiện trạng.

- 02 nút giao với đường tỉnh (*nút giao Km1+720 - giao với DT.516B/Km23+058 và nút giao với DT.516D/Km12+650*): Bổ sung các hạng mục, gồm: Hệ thống điện chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông.

- 02 nút giao (*nút giao tại Km0+997, giao với đường từ QL.45 đi xã Đinh Tăng tại Km0+779 và nút giao tại Km2+325, giao với đường từ sân vận động huyện đi xã Thiết Định*): Bổ sung đèn tín hiệu giao thông.

(chi tiết có hồ sơ thiết kế cơ sở điều chỉnh kèm theo).

3.2. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh phê duyệt: **311.910.000.000 đồng.**

(Ba trăm mười một tỷ, chín trăm mười triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí GPMB:	132.510.885.000	đồng.
- Chi phí xây dựng:	154.462.892.000	đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	1.527.778.000	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	5.275.376.000	đồng.
- Chi phí khác:	7.576.849.000	đồng.
- Chi phí dự phòng:	10.556.220.000	đồng.

(chi tiết có phụ lục kèm theo).

3.3. Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn: Từ “*Ngân sách tỉnh hỗ trợ 30%, ngân sách huyện đảm bảo 70% tổng mức đầu tư của dự án từ nguồn khai thác quỹ đất trên địa bàn và các nguồn huy động hợp pháp khác*” thành “*Ngân sách tỉnh hỗ trợ 60 tỷ đồng; phần còn lại 251,91 tỷ đồng từ ngân sách huyện và các nguồn huy động hợp pháp khác*”.

3.4. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: từ: “*05 năm, từ năm 2017-2021*” thành: “*Năm 2017-2025*”.

IV. Nội dung khác

Giữ nguyên theo Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao UBND huyện Yên Định tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng; trong bước tiếp theo có trách nhiệm thực hiện đầy đủ kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 1065/SGTVT-TĐKHKT ngày 28/02/2025.

- Sở Giao thông vận tải, UBND huyện Yên Định chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác của số liệu, sự phù hợp với quy định của pháp luật về quy mô, nội dung, các giải pháp thiết kế, giá trị các hạng mục công trình trình phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Yên Định và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, CN (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH
Dự án Tuyến đường tránh Quốc lộ 45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định
 (Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng

TT	Hạng mục chi phí	TMDT theo Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch: Tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
I	Giải phóng mặt bằng	30.820.793.000	Các Quyết định và khái toán của UBND huyện Yên Định	132.510.885.000	101.690.092.000
II	Xây dựng	128.745.560.000	Cộng 1-2	154.462.892.000	25.717.332.000
1	Phần khối lượng giá trị đã phê duyệt		Hợp đồng số 10/2017/BQLDA-HĐXL ngày 29/3/2017, các phụ lục hợp đồng và Quyết định số 5401/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND huyện Yên Định	140.681.063.033	
2	Phần khối lượng điều chỉnh, bổ sung			13.781.829.000	
-	Các hạng mục theo đơn giá hợp đồng		Dự toán chi tiết	1.826.078.000	
-	Các hạng mục lập đơn giá mới			11.955.751.000	
III	Quản lý dự án	1.591.369.000	1,360% x0,8x 140.420.810.909	1.527.778.000	-63.591.000
IV	Tư vấn đầu tư xây dựng	5.795.892.000	Cộng 1-13	5.275.376.000	-502.520.000
1	Thẩm tra thiết kế BVTC	85.543.426	Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND huyện Yên Định	-	-85.543.426
2	Thẩm tra dự toán	83.817.169		-	-83.817.169
3	Giám sát thi công xây dựng	1.729.452.067	Hợp đồng số 28/2017/HĐ-TVGS ngày 11/01/2017	1.957.157.000	227.704.933

TT	Hạng mục chi phí	TMĐT theo Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
4	Lập HSMT, đánh giá HSDT xây lắp	84.636.875	Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của UBND huyện Yên Định, Thông báo kết quả kiểm toán số 570/TB-KTNN KV XI ngày 31/10/2018 của KTNN khu vực XI	213.814.000	-20.822.875
5	Lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn KSTK, giám sát, kiểm toán	150.000.000			
6	Khảo sát bước lập dự án đầu tư	479.578.000	Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh	479.578.000	-
7	Lập dự án đầu tư	364.650.000		364.650.000	-
8	Khảo sát bước thiết kế BVTC	700.000.000	Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND huyện Yên Định	1.978.777.000	-303.168.192
9	Lập thiết kế BVTC và dự toán	1.301.945.192			
10	Lập hồ sơ, cắm cọc GPMB	280.000.000			
11	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	200.000.000	Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND huyện Yên Định	181.400.000	-18.600.000
12	Giám sát, đánh giá dự án	318.272.800	Thông báo kết quả kiểm toán số 570/TB-KTNN KV XI ngày 31/10/2018 của KTNN khu vực XI	-	-318.272.800
13	Thẩm tra an toàn giao thông trước khi đưa dự án vào khai thác	-	Khái toán theo dự án tương tự	100.000.000	100.000.000
V	Chi phí khác	8.177.154.000	cộng 1-14	7.576.849.000	-600.304.000
1	Rà phá bom mìn	600.000.000	Thông báo kết quả kiểm toán số 570/TB-KTNN KV XI ngày 31/10/2018 của KTNN khu vực XI	-	-600.000.000

TT	Hạng mục chi phí	TMĐT theo Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
2	Bảo hiểm công trình	257.491.120	Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 của UBND huyện Yên Định	290.463.640	32.972.520
3	Thẩm định dự án đầu tư	20.000.000	Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh	20.000.000	-
4	Thẩm định TKBVTC	61.979.000	Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND huyện Yên Định	67.541.416	5.562.416
5	Thẩm định dự toán	60.609.000		65.798.252	5.189.252
6	Thẩm định HSMT và KQĐT gói thầu xây lắp	100.000.000	<i>Thông báo kết quả kiểm toán số 570/TB-KTNN KV XI ngày 31/10/2018 của KTNN khu vực XI</i>	67.971.000	-32.029.000
7	Thẩm định HSMT và KQĐT tư vấn KSTK bước TKBVTC	2.001.945	Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND huyện Yên Định	2.000.000	-1.945
8	Thẩm định HSMT và KQĐT tư vấn giám sát XD công trình	2.000.000		2.000.000	-
9	Thẩm định HSMT và KQĐT gói thầu tư vấn kiểm toán	2.000.000		2.000.000	-
10	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	337.500.000	0,18% x0,5x 301.101.000.000	270.652.161	-66.847.839
11	Kiểm toán độc lập	1.553.750.000	0,270% x1,1x 301.101.000.000	893.027.928	-660.722.072
12	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (tạm tính)	30.000.000	Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND huyện Yên Định	30.000.000	-

TT	Hạng mục chi phí	TMĐT theo Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
13	Chi phí hạng mục chung	5.149.822.400		5.807.915.000	658.092.644
-	<i>Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công</i>	2.574.911.200	Hợp đồng số 10/2017/BQLDA-HĐXL ngày 29/3/2017 và các phụ lục kèm theo	2.903.957.522	329.046.322
-	<i>Chi phí phục vụ trực tiếp thi công xây dựng công trình</i>	2.574.911.200		2.903.957.522	329.046.322
14	Chi phí đảm bảo ATGT trong quá trình thi công các nút giao	-	Dự toán chi tiết	57.480.000	57.480.000
VI	Chi phí dự phòng	24.867.772.000	cộng 1-2	10.556.220.000	-14.059.720.000
1	Dự phòng khối lượng phát sinh	17.513.077.300	2,50% x (I+II+III+VI+V)	7.545.210.000	-9.967.867.300
2	Dự phòng trượt giá	7.354.695.163	1,00% x (I+II+III+VI+V)	3.011.010.000	-4.343.685.163
	Tổng cộng	199.998.540.000	(I+II+III+IV+V+VI)	311.910.000.000	111.911.460.000